

BIẾN ĐỘNG CÁC CHỈ SỐ

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NGHỊ 16/04/2020

Tổng quan thị trường	HSX	HNX
Giá trị đóng cửa	780,70	108,75
Thay đổi (%)	0,45%	0,39%
KLGD (triệu CP)	250,94	40,91
GTGD (tỷ VND)	4.025,74	451,02
Số CP tăng giá	185	82
Số Cp đứng giá	64	60
Số Cp giảm giá	172	67

Chỉ số tài chính	HSX	HNX
PB (lần)	1,76	1,01
PE (lần)	12,08	9,38
Hệ số Beta	1,00	0,87
ROE (%)	19,38%	15,07%
ROA (%)	7,77%	5,18%

Giao dịch thỏa thuận	HSX	HNX
Khối lượng (triệu CP)	33,93	3,51
GTGD (tỷ VNĐ)	997,78	59,40

Giao dịch NĐT NN	HOSE	HNX
Giá trị mua (tỷ VNĐ)	509,86	1,31
Giá trị bán (tỷ VNĐ)	-689,09	-17,99
GTGD ròng (tỷ VNĐ)	-179,23	-16,68
Tổng GTGD (tỷ VNĐ)	-195,91	

Chỉ số HDTL	Đóng cửa	+/-
VN30-Index	726,57	3,77
VN30F2004	725,2	7,7
VN30F2005	702,5	7,5
VN30F2006	695,2	6,8
VN30F2009	690,8	4,5

Thị trường thế giới	Đóng cửa	(%)
DJI *	23.504,35	-1,86%
S&P 500 *	2.783,36	-2,20%
DAX *	10.279,76	-3,90%
FTSE 100 *	5.597,88	-3,40%
Nikkei 225	19.290,20	-1,33%
Hang Seng	24.006,45	-0,58%

* Các chỉ số lấy giá trị phiên liền trước

Giảng cơ mạnh trong ngày đáo hạn phái sinh, Vn-Index vẫn đóng cửa tăng phiên thứ 4 liên tiếp.

Diễn biến thị trường:

Thị trường chứng khoán Việt Nam mở cửa phiên giao dịch ngày 16/4 với những động thái chốt lãi ngắn hạn của nhà đầu tư, và chỉ số Vn-Index giảm 4 điểm chỉ sau ít phút đầu khớp lệnh. Dù vậy, áp lực bán là không quá lớn, và lực cầu giá thấp vẫn luôn thường trực khiến thị trường rơi vào trạng thái giằng co giữa hai sắc màu xanh – đỏ trong phần lớn thời gian của phiên giao dịch. Phải tới những phút cuối của phiên giao dịch, cũng là thời điểm chốt hợp đồng phái sinh kỳ hạn tháng 4, thì chỉ số Vn-Index mới đóng cửa trong sắc xanh, và qua đó có phiên tăng điểm thứ 4 liên tiếp. Về phía tăng điểm, đáng chú ý có cổ phiếu VJC tăng mạnh 4,7% lên 116.000 đồng, SAB tăng 3% lên 157.600 đồng, PLX tăng 2,8%, VRE tăng 1,5%, GAS tăng 1,2%,... Ở chiều ngược lại, VHM, VIC, GVR, POW, BVH,... là những cổ phiếu vốn hóa lớn như chịu áp lực điều chỉnh. Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số Vn-Index tăng 3,48 điểm, và đóng cửa đạt 780,7 điểm.

Dù vẫn đóng cửa tăng điểm nhưng trái với các phiên trước, thị trường đã bắt đầu có sự phân hóa, với số mã tăng và giảm điểm gần như tương đương. Nhóm dầu khí bất ngờ tăng mạnh với các mã như OIL, PVT, PLX, PVD, GAS, trong khi đó ở nhóm ngân hàng, sắc xanh chỉ còn xuất hiện ở một vài cổ phiếu như ACB, MBB, hay VCB. Trên TTCK Phái sinh, cả 4 HĐTL đều tăng điểm trong phiên hôm nay, trong đó đáng chú ý HĐTL F2004 trong này đáo hạn phái sinh đã tăng mạnh 7,7 điểm, và đóng cửa với mức chênh lệch chỉ còn -1,37 điểm so với VN30 Index.

Giao dịch khối ngoại vẫn tiếp tục là điểm trừ khi họ vẫn có phiên bán ròng trên cả 3 sàn với tổng giá trị khoảng 200 tỷ đồng. Lực bán của khối ngoại tập trung vào các cổ phiếu VIC (40,29 tỷ đồng), VNM (35,84 tỷ đồng), BID (24,2 tỷ đồng), DXG (23,3 tỷ đồng)...

Diễn biến CP CSI:

Diễn biến của mã CSI vẫn rất trầm lắng khi không có cổ phiếu nào được khớp lệnh thành công. Kết phiên, CP CSI giữ giá tham chiếu 11.800 đồng/CP.

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ:

Thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục nổi dài chuỗi ngày khởi sắc, với việc chỉ số Vn-Index chứng kiến phiên tăng điểm thứ tư liên tiếp, và đóng cửa vượt lên trên mốc 780 điểm. Dù vậy, thanh khoản trong phiên hôm nay đã quay đầu giảm khá mạnh, và đạt khoảng 3.400 tỷ đồng trên cả hai sàn (không tính giá trị giao dịch thảo thuận), cho thấy lực mua đã không còn quá chủ động như những phiên trước đó. Chúng tôi nhận định rằng, thị trường liên tục duy trì được xu hướng hồi phục trong ngắn hạn và hướng đến ngưỡng kháng cự kỳ vọng 790-800 điểm. Trong bối cảnh lệnh giãn cách xã hội sắp hết hạn, và hoạt động kinh doanh dần quay trở lại bình thường, chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ tiếp tục duy trì được đà tăng trong những phiên tới. Vì vậy, chúng tôi khuyến nghị quý nhà đầu tư tiếp tục kiên trì nắm giữ danh mục, và có thể cân nhắc gia tăng thêm tỷ trọng cổ phiếu ở những mã đang cho lợi nhuận.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CHUYÊN SÂU VNINDEX



Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo ngắn hạn	Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo Trung hạn
Stochastic	TIÊU CỰC	MACD	TIÊU CỰC
Volume	TIÊU CỰC	MA18	TIÊU CỰC
MA Ngắn hạn	TIÊU CỰC	MA65	TIÊU CỰC
Trend Ngắn hạn	TIÊU CỰC	Trend Trung hạn	TIÊU CỰC

Kết luận: Áp lực chốt lời tiếp tục khiến thị trường phải rung rắc trong phiên hôm nay, nhưng điểm tích cực là về cuối phiên lực cầu dâng cao, giúp chỉ số Vn-index đảo chiều xanh điểm, đóng cửa ở mức cao nhất ngày.

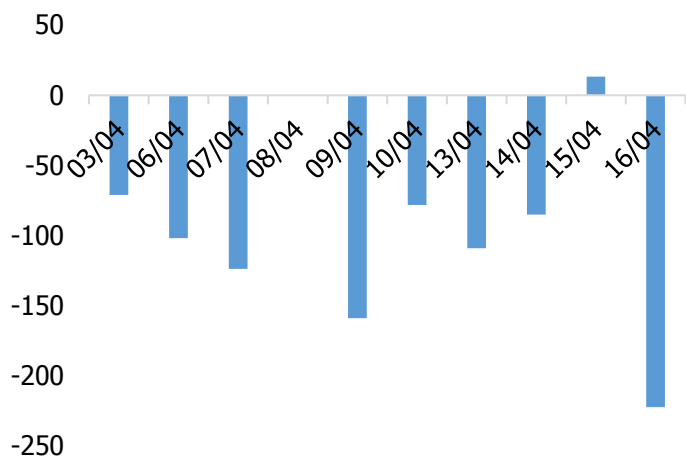
Thị trường liên tục duy trì được xu hướng hồi phục trong ngắn hạn và hướng đến ngưỡng kháng cự kỳ vọng (795 – 815) điểm. Theo quan sát của chúng tôi, mặc dù biên độ tăng điểm của những phiên gần đây không mạnh, nhưng dòng tiền lại có xu hướng phân bổ ra nhiều nhóm ngành CP khác nhau. Theo thống kê, chúng tôi nhận thấy mặt bằng khá nhiều CP đã xuất hiện điểm tăng bút phá với nền tảng tích lũy. Đây là một trong những cơ sở khá vững ủng hộ cho xu hướng hồi phục tiếp diễn của thị trường. Vì vậy, chúng tôi kiên trì khuyến nghị quý nhà đầu tư giữ chặt danh mục đã mua, thậm chí tăng thêm tỷ trọng ở những CP đã có lợi nhuận.

GIAO DỊCH NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHỈ SỐ ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG

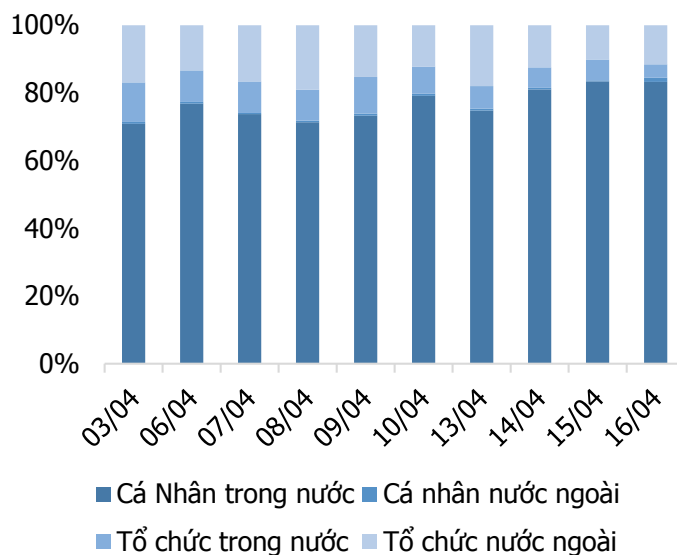
Giao dịch tự doanh ròng - Ngày

Giá trị giao dịch theo nhà đầu tư - Ngày

Giao dịch tự doanh ròng theo ngày



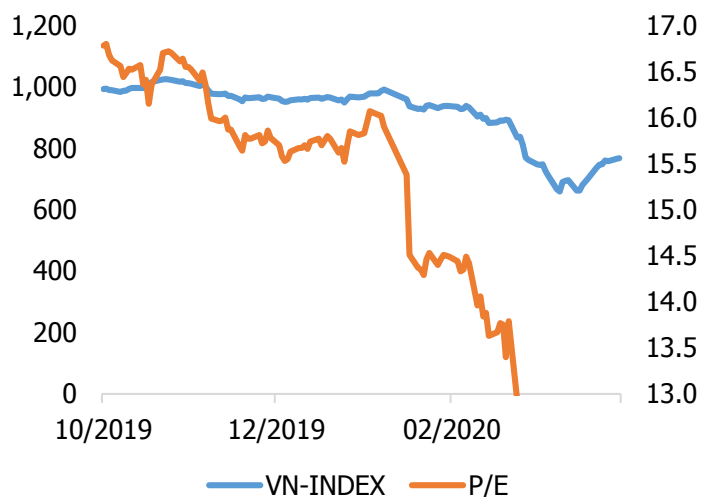
Giao dịch theo NĐT



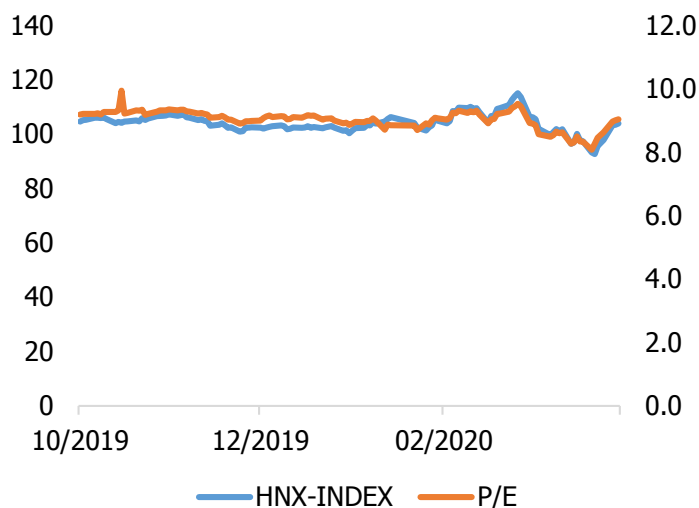
Vn-index - P/E lịch sử

Hn-index - P/E lịch sử

VNIndex - P/E lịch sử



HNXIndex - P/E lịch sử



TOP MUA RÒNG TỰ DOANH

Top mua ròng		
Mã CP	Giá	Giá trị (Tr, đồng)
HPG	20,250	32,717.51
FPT	50,300	26,802.85
MBB	16,500	22,193.01
HAX	11,950	22,119.68
MWG	76,900	22,117.45

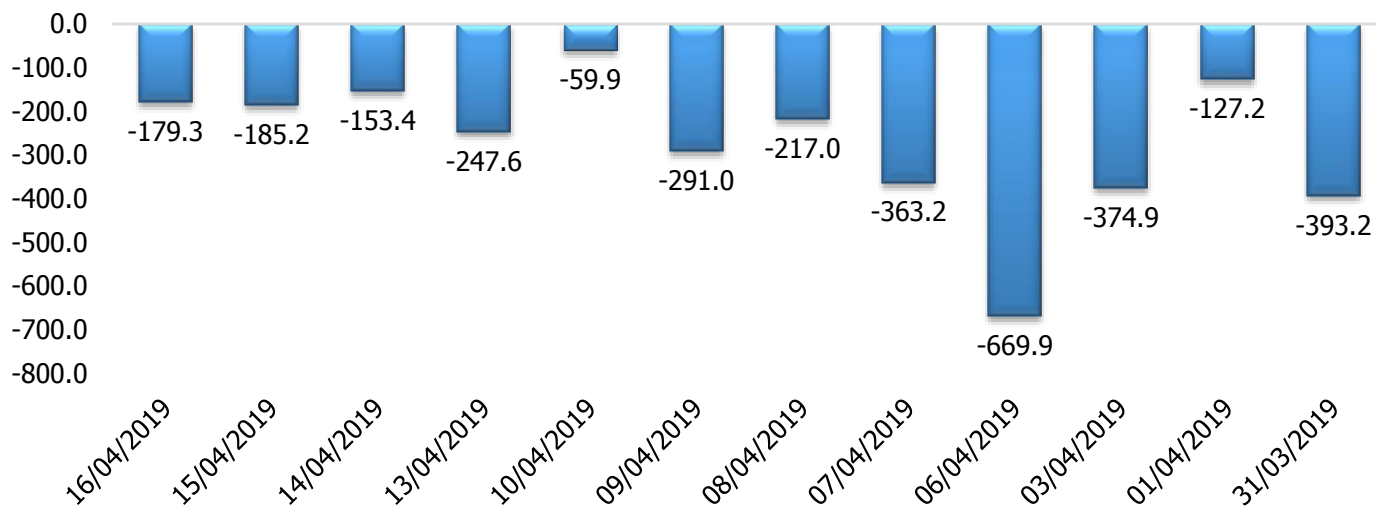
TOP BÁN RÒNG TỰ DOANH

Top bán ròng		
Mã CP	Giá	Giá trị (Tr, đồng)
MSN	60,800	318,146.02
GEX	16,000	78,030.00
DBC	26,200	27,489.22
PLX	41,000	15,178.97
MWG	76,900	9,176.93

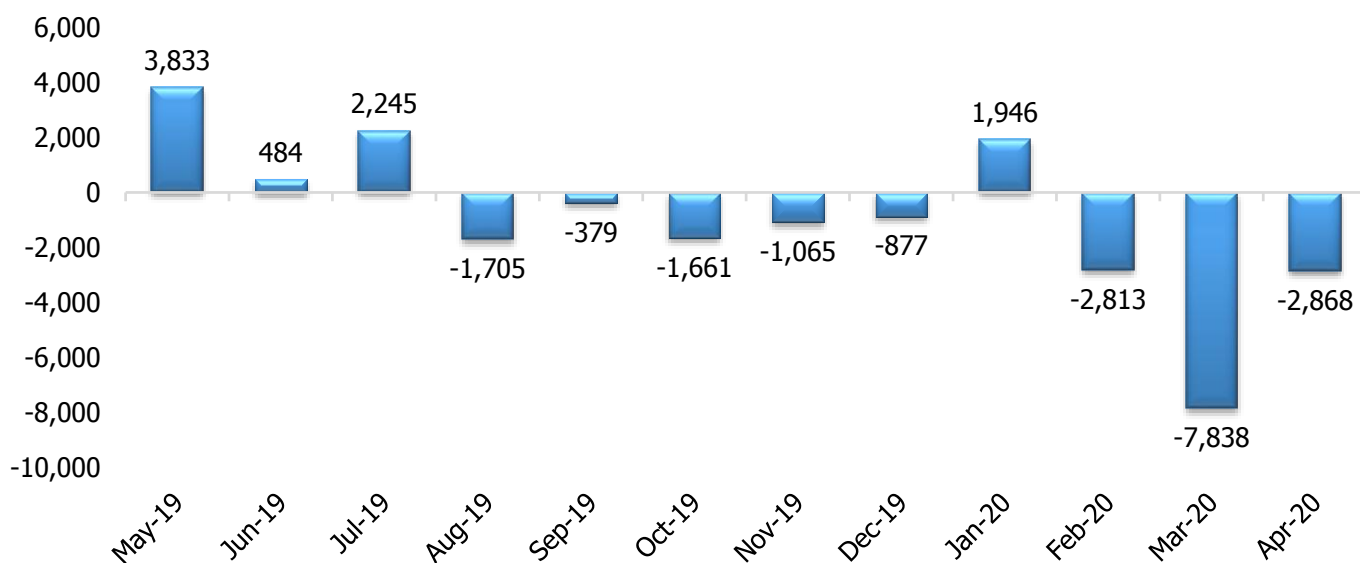
(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ VNĐ)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tháng gần nhất (tỷ VNĐ)



HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

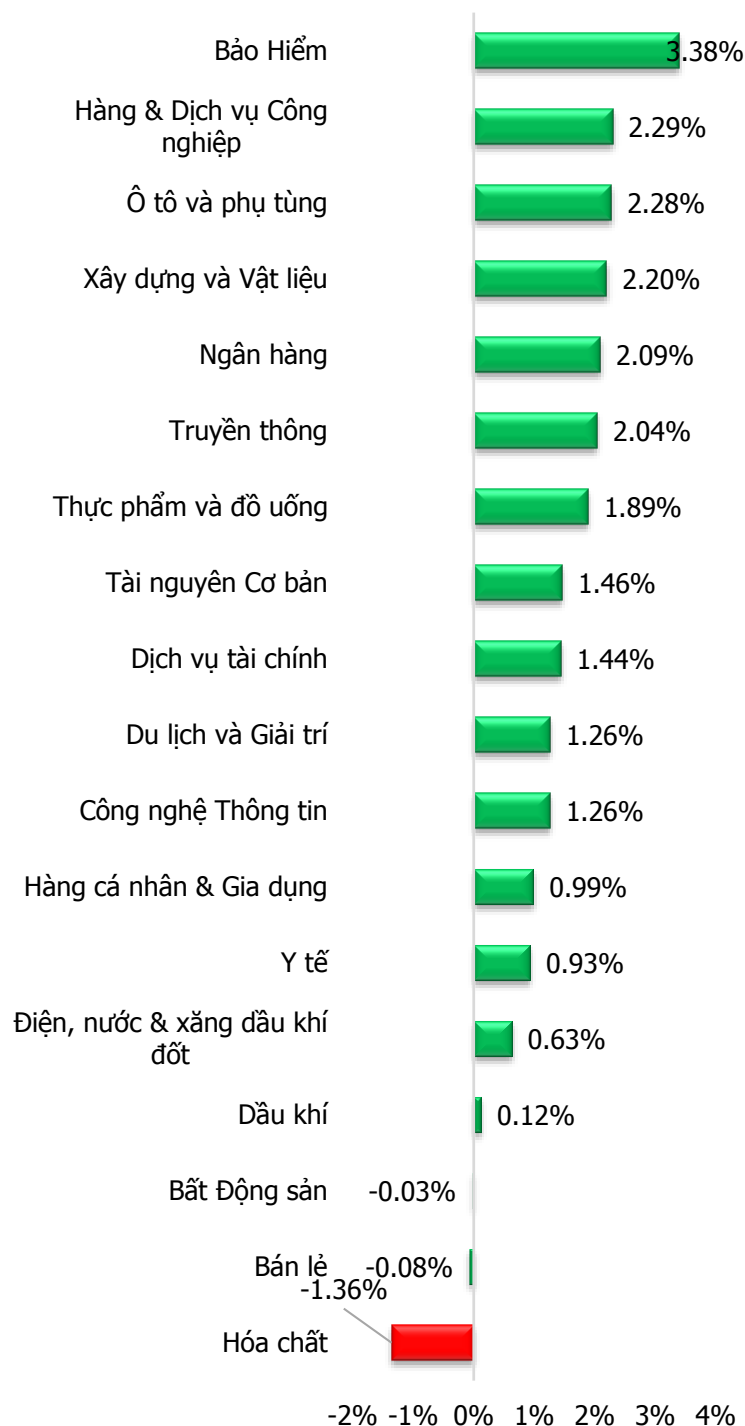
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
VRE	19.75	VIC	40.29
HPG	7.33	VNM	35.84
NVL	6.47	BID	24.20
HCM	4.40	DXG	23.31
VHC	3.82	VHM	19.00

HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

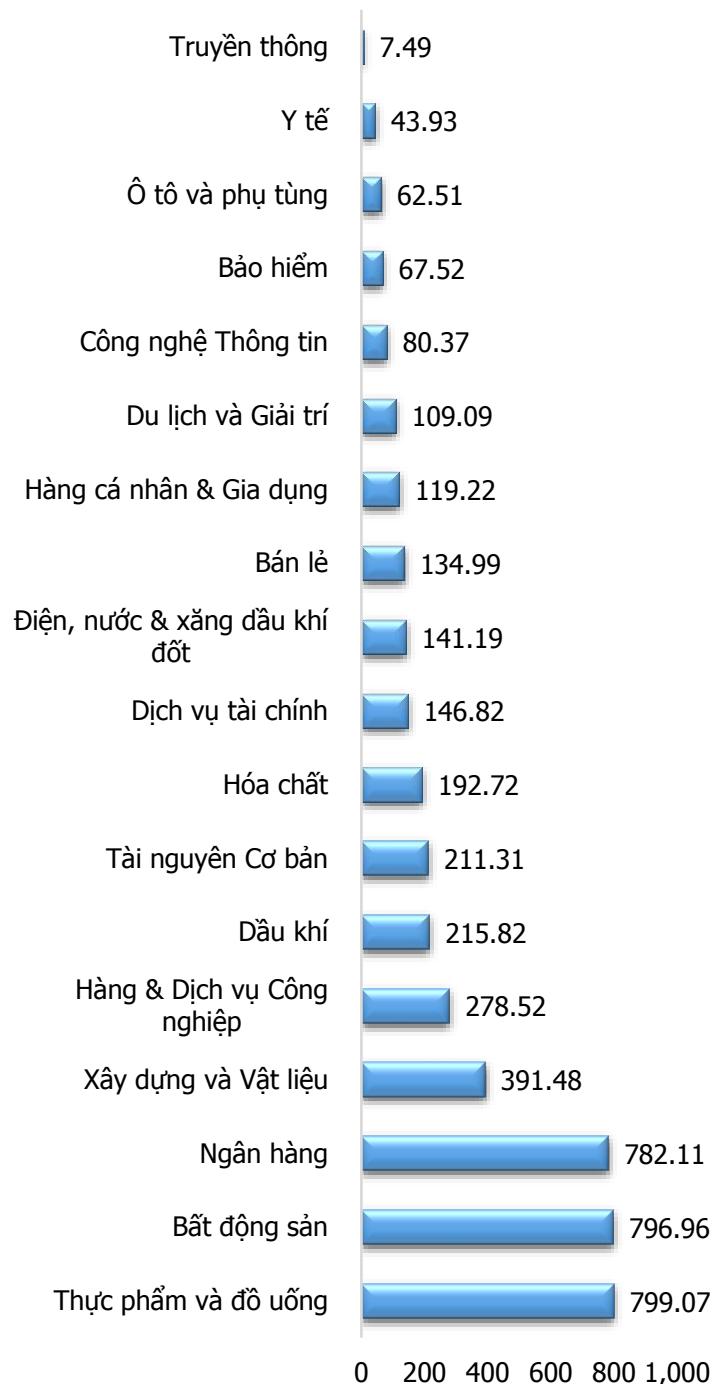
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
WCS	0.14	SHB	6.9
HHG	0.06	TNG	3.88
IVS	0.03	PVS	2.23
PMC	0.02	VCS	1.01
HLD	0.02	LAS	0.77

NHÓM NGÀNH

Biến động giá theo ngành



Giá trị giao dịch theo ngành (tỷ đồng)



(Nguồn: Fiinpro)

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

	Cổ phiếu	Giá Mua cao nhất	Giá Bán cao nhất	Cắt lỗ	Giá đóng cửa	Vùng Mua dự kiến	Vùng Bán dự kiến	Ngày Mua	Ngày Bán	Lợi nhuận	Cập nhật
Danh Mục Khuyến Nghị Mua	BFC	11.7	13.0	10.7	11.95	11.60					Chờ khớp
	CII	19.5	21.6	17.8	20.00	19.30					Chờ khớp
	D2D	53.5	59.4	48.8	55.20	53.00					Chờ khớp
	DGC	23.3	25.9	21.3	23.40	23.10					Chờ khớp
	DHA	29.0	32.1	26.4	29.50	28.70					Chờ khớp
	GMD	17.2	19.0	15.6	17.40	17.00					Mua thêm
	ITA	2.0	2.2	1.8	2.06	1.98					Chờ khớp
	L14	55.6	61.6	50.6	55.60	55.00					Chờ khớp
	LTG	19.3	21.4	17.6	20.40	19.10					Chờ khớp
	PLX	40.9	45.4	37.3	41.00	40.50					Chờ khớp
	PVT	9.5	10.5	8.6	9.65	9.40					Chờ khớp
	SNZ	17.0	18.8	15.5	17.20	16.80					Chờ khớp
	TIP	15.8	17.5	14.4	16.25	15.60					Chờ khớp
	TLH	2.6	2.9	2.4	2.70	2.60					Chờ khớp
	VCS	62.3	69.1	56.8	65.00	61.70					Chờ khớp
Danh Mục Đang Năm Giữ	KDC	16.8	18.6	15.3	17.00	16.60		15/04/2020		2.4%	Nắm giữ
	MBB	16.4	18.1	14.9	16.50	16.20		15/04/2020		1.9%	Nắm giữ
	SMB	29.9	33.2	27.2	29.50	29.60		15/04/2020		-0.3%	Nắm giữ
	SIP	72.8	80.8	66.3	75.00	72.10		14/04/2020		4.0%	Nắm giữ
	C32	20.7	23.0	18.9	21.25	20.50		13/04/2020		3.7%	Nắm giữ
	C69	5.2	5.7	4.7	6.90	5.10		13/04/2020		35.3%	Nắm giữ
	DVN	10.4	11.5	9.5	11.00	10.30		10/04/2000		6.8%	Nắm giữ
	VTP	112.1	124.3	102.1	112.50	111.00		10/04/2020		1.4%	Nắm giữ
	TLG	28.8	31.9	26.2	29.40	28.50		09/04/2020		3.2%	Nắm giữ
	CTR	33.3	37.0	30.4	37.50	33.00		08/04/2020		13.6%	Nắm giữ
	GMD	16.0	17.7	14.5	17.40	15.80		08/04/2020		10.1%	Nắm giữ
	HBC	7.1	7.8	6.4	7.85	7.00		08/04/2020		12.1%	Nắm giữ
	HVN	19.6	21.7	17.8	24.35	19.40		08/04/2020		25.5%	Nắm giữ
	CTG	19.8	22.0	18.0	19.80	19.60		07/04/2020		1.0%	Nắm giữ
	FPT	47.0	52.1	42.8	50.30	46.50		07/04/2020		8.2%	Nắm giữ
	HDB	20.3	22.5	18.5	20.95	20.10		07/04/2020		4.2%	Nắm giữ
	LPB	6.5	7.2	5.9	7.20	6.40		07/04/2020		12.5%	Nắm giữ
	SJS	16.1	17.8	14.6	18.85	15.90		07/04/2020		18.6%	Nắm giữ
	TDH	6.7	7.4	6.1	8.30	6.60		07/04/2020		25.8%	Nắm giữ
	BMI	15.4	17.0	14.0	19.65	15.20		30/03/2020		29.3%	Nắm giữ
	FCN	7.4	8.2	6.7	8.19	7.30		19/03/2020		12.2%	Nắm giữ
	MSR	15.2	16.8	13.8	15.00	15.00		19/03/2020		0.0%	Nắm giữ
	MSN	53.0	58.8	48.3	60.80	52.50		09/03/2020		15.8%	Nắm giữ
	DP3	64.6	71.7	58.9	64.00	64.00		05/08/2019		0.0%	Nắm giữ
Danh Mục Đã Bán	DBC	18.2	20.2	16.6	19.80	18.00	20.50	31/03/2020	10/04/2020	30.2%	Đã bán
	HII	9.9	11.0	9.0	12.35	9.80	12.50	10/02/2020	10/03/2020	27.6%	Đã bán
	AGG	26.5	29.4	24.2	28.30	26.25	29.10	23/03/2020	10/03/2020	10.9%	Đã bán
	SNZ	16.6	18.4	15.1	16.00	16.40	17.20	13/02/2020	10/03/2020	4.9%	Đã bán
	EIB	17.1	18.9	15.5	17.00	16.9	16.9	06/11/2019	10/03/2020	0.0%	Đã bán
	DHC	38.4	42.6	35.0	37.40	38.00	38.00	04/03/2020	10/03/2020	0.0%	Đã bán
	VBB	16.2	17.9	14.7	15.00	16.00	15.10	22/01/2020	01/04/2020	-5.6%	Đã bán
	CTG	19.2	21.3	17.5	17.70	19.00	18.20	26/03/2020	31/03/2020	-4.2%	Đã bán
	GAS	59.1	65.5	53.8	54.60	58.50	57.00	26/03/2020	31/03/2020	-2.6%	Đã bán
	SCR	5.6	6.2	5.1	5.17	5.55	5.10	19/02/2020	28/02/2020	-8.1%	Đã bán
	HDB	19.8	22.0	18.0	18.25	19.60	18.00	26/03/2020	30/03/2020	-8.2%	Đã bán
	MH3	31.3	34.7	28.5	30.00	31.00	28.50	26/03/2020	30/03/2020	-8.1%	Đã bán
	MSH	28.1	31.1	25.6	26.65	27.80	25.60	26/03/2020	30/03/2020	-7.9%	Đã bán

VCS	56.1	62.2	51.1	51.30	55.50	52.40	19/03/2020	24/03/2020	-5.6%	Đã bán
DBC	18.3	20.3	16.7	17.35	18.10	16.70	20/03/2020	23/03/2020	-7.7%	Đã bán
GIL	19.1	21.2	17.4	18.00	18.90	17.40	09/03/2020	11/03/2020	-7.9%	Đã bán
BCE	6.9	7.7	6.3	6.70	6.88	6.77	26/12/2019	10/03/2020	-1.6%	Đã bán
NTP	29.6	32.8	27.0	28.00	29.30	28.30	06/03/2020	10/03/2020	-3.4%	Đã bán
ANV	18.1	20.0	16.5	16.70	17.90	17.00	04/03/2020	10/03/2020	-5.0%	Đã bán
HAR	3.2	3.6	2.9	3.06	3.20	3.05	24/02/2020	10/03/2020	-4.7%	Đã bán
DVP	37.1	41.1	33.8	35.05	36.70	33.80	28/02/2020	09/03/2020	-7.9%	Đã bán
VIB	18.7	20.7	17.0	18.10	18.50	17.00	24/02/2020	09/03/2020	-8.1%	Đã bán
VNA	2.8	3.1	2.6	2.70	2.80	2.60	24/02/2020	09/03/2020	-7.1%	Đã bán
IDV	37.9	42.0	34.5	37.60	37.50	34.50	09/01/2020	09/03/2020	-8.0%	Đã bán
TNA	14.1	15.7	12.9	25.10	14.00	23.4	23/09/2019	26/12/2019	66.8%	Đã bán
VPB	19.6	21.7	17.8	22.70	19.40	23.00	05/12/2019	31/01/2020	18.6%	Đã bán
VPB	24.0	26.7	21.9	26.80	23.80	28.30	06/02/2020	25/02/2020	18.9%	Đã bán
DGW	26.3	29.1	23.9	27.30	26.00	27.70	11/02/2020	21/02/2020	6.5%	Đã bán
DHC	39.3	43.6	35.8	39.50	38.90	39.20	17/01/2020	03/02/2020	0.8%	Đã bán
VSC	26.1	28.9	23.7	26.40	25.80	26.20	19/12/2019	31/01/2020	1.6%	Đã bán
ACB	23.4	26.0	21.3	23.60	23.20	23.70	15/01/2020	31/01/2020	2.2%	Đã bán
STB	10.4	11.5	9.5	10.35	10.30	10.40	13/01/2020	31/01/2020	1.0%	Đã bán
KDH	25.9	28.7	23.6	26.25	25.60	26.5	26/09/2019	19/12/2019	3.5%	Đã bán
SNZ	19.4	21.5	17.7	19.00	19.2	19.5	21/10/2019	03/12/2019	1.6%	Đã bán
GMD	23.5	26.1	21.4	23.50	23.30	23.60	16/12/2019	27/12/2019	1.3%	Đã bán

NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
CSV	21,400	1,400	7.00%	755,030
VRC	5,350	350	7.00%	312,390
AGM	13,000	850	7.00%	76,950
PVT	9,650	630	6.98%	4,075,440
DTA	5,520	360	6.98%	8,490

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ACM	500	100	25.00%	105,120
SPP	500	100	25.00%	255,670
SPI	800	100	14.29%	475,210
KVC	800	100	14.29%	578,430
VC1	9,900	900	10.00%	100

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HSL	6,090	-450	-6.88%	271,970
APC	13,500	-1,000	-6.90%	24,940
VID	3,490	-260	-6.93%	1,030
DAT	9,770	-730	-6.95%	10
ABS	24,600	-1,850	-6.99%	1,810

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
MBG	9,200	-1,000	-9.80%	800,000
CLH	15,600	-1,700	-9.83%	2,800
KMT	7,300	-800	-9.88%	10,000
TTT	35,100	-3,900	-10.00%	100
PCG	5,400	-600	-10.00%	150

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ITA	2,060	130	6.74%	10,036,390
HSG	6,500	40	0.62%	5,559,090
DXG	9,250	-150	-1.60%	4,792,030
HBC	7,850	100	1.29%	4,411,080
PVT	9,650	630	6.98%	4,075,440

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PVX	1,000	0	0.00%	4,859,242
PVI	32,500	1,800	5.86%	999,817
DST	1,600	100	6.67%	944,410
VCS	65,000	1,100	1.72%	920,010
KVC	800	100	14.29%	578,430

HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ROS	4,000	0	0.00%	14,415,090
ITA	2,060	130	6.74%	10,036,390
STB	9,720	20	0.21%	7,634,020
HPG	20,250	150	0.75%	6,665,670
POW	8,950	-110	-1.21%	6,101,990

HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PVX	1,000	0	0.00%	4,859,242
PVS	11,900	100	0.85%	4,540,460
SHB	17,900	-100	-0.56%	2,606,662
HUT	1,500	0	0.00%	2,072,604
ACB	20,400	200	0.99%	1,895,213

(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

DANH MỤC VN30:

STT	Mã CP	Vốn hóa	Giá trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGD BQ 6T	Giá hiện tại	Tăng/giảm 12T
		tỷ VNĐ	VNĐ	VNĐ	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn VNĐ	%
1	BID	150,021	18,529	2,081	0.0%	0.0%	17.93	2.01	1,027,076	37,300	11.02%
2	CTD	4,326	110,305	8,970	0.0%	0.0%	6.32	0.51	142,127	59,400	-53.63%
3	CTG	73,910	20,625	2,541	0.0%	0.0%	7.81	0.96	6,679,681	19,800	-9.15%
4	BVH	36,077	25,688	1,466	0.0%	0.0%	33.14	1.89	303,089	48,250	-46.62%
5	PLX	47,513	19,375	3,287	0.0%	0.0%	12.14	2.06	406,761	41,000	-28.32%
6	EIB	18,626	12,810	701	0.0%	0.0%	21.61	1.18	2,603,122	15,150	-12.17%
7	FPT	34,152	20,485	4,622	0.0%	0.0%	10.84	2.45	2,028,456	50,300	18.92%
8	GAS	127,469	25,344	6,219	0.0%	0.0%	10.71	2.63	436,737	67,400	-36.03%
9	POW	21,217	11,481	1,072	0.0%	0.0%	8.45	0.79	3,085,509	8,950	-40.20%
10	HDB	19,946	19,745	3,675	0.0%	0.0%	5.62	1.05	1,954,181	20,950	-25.45%
11	HPG	55,498	17,248	2,726	0.0%	0.0%	7.37	1.17	7,511,711	20,250	-18.47%
12	MBB	39,427	15,757	3,297	0.0%	0.0%	4.96	1.04	5,983,480	16,500	-19.37%
13	MSN	71,189	36,597	4,754	0.0%	0.0%	12.81	1.66	2,092,445	60,800	-30.64%
14	MWG	34,776	26,801	8,645	0.0%	0.0%	8.88	2.87	1,020,643	76,900	-5.31%
15	NVL	50,319	22,978	3,539	0.0%	0.0%	14.66	2.26	1,487,849	51,900	-7.32%
16	PNJ	13,331	20,326	5,299	0.0%	0.0%	11.17	2.91	775,188	59,000	-18.02%
17	REE	9,612	33,533	5,286	0.0%	0.0%	5.86	0.92	875,397	30,800	2.28%
18	ROS	2,270	10,645	314	0.0%	0.0%	12.74	0.38	20,251,540	4,000	-87.30%
19	SAB	98,116	29,325	7,880	0.0%	0.0%	19.42	5.22	187,332	157,600	-35.81%
20	SBT	8,608	12,426	529	0.0%	0.0%	26.74	1.14	2,425,539	14,200	-21.69%
21	SSI	8,023	15,536	1,783	0.0%	0.0%	7.49	0.86	2,073,264	13,350	-40.09%
22	STB	17,495	14,826	1,302	0.0%	0.0%	7.45	0.65	6,796,754	9,720	-19.83%
23	TCB	61,427	17,651	2,878	0.0%	0.0%	6.10	0.99	4,682,214	17,550	-29.52%
24	VCB	262,959	21,785	4,991	0.0%	0.0%	14.21	3.25	1,060,541	71,200	5.19%
25	VHM	223,029	17,053	6,493	0.0%	0.0%	10.44	3.98	1,574,508	67,500	-26.46%
26	VIC	324,713	22,592	2,199	0.0%	0.0%	43.65	4.25	854,687	95,900	-15.19%
27	VJC	58,041	29,231	7,789	0.0%	0.0%	14.22	3.79	533,181	116,000	-1.26%
28	VNM	172,745	15,794	6,075	0.0%	0.0%	16.33	6.28	1,667,006	99,300	-24.15%
29	VPB	53,021	17,315	3,265	0.0%	0.0%	6.66	1.26	5,427,682	21,750	11.83%
30	VRE	59,308	11,847	1,224	0.0%	0.0%	21.32	2.20	3,218,666	26,500	-23.12%

(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS: vncs,research@vn-cs.com

Người thực hiện: Dương Quang Minh

Chuyên viên Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: minhdq@vn-cs.com

Người thực hiện: Đỗ Thị Hường

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: huongdt@vn-cs.com

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS

Đỗ Bảo Ngọc

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu

Email: ngocdb@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Nguyễn Đức Minh

Chuyên viên Phân tích Cao cấp

Email: minhnd@vn-cs.com

Trần Vũ Phương Liên

Chuyên viên phân tích

Email: lientvp@vn-cs.com

Vũ Thùy Dương

Chuyên viên phân tích

Email: duongvt@vn-cs.com

Dương Quang Minh

Chuyên viên Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: minhdq@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lưu Chí Kháng

Phó Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: khanglec@vn-cs.com

Đỗ Thị Hường

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: huongdt@vn-cs.com

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá,

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến - 20%
BÁN	$\leq -20\%$

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VNCS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VNCS, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VNCS,

TRỤ SỞ VNCS

Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: + 84 24 3926 0099 Webiste: www.vn-cs.com